

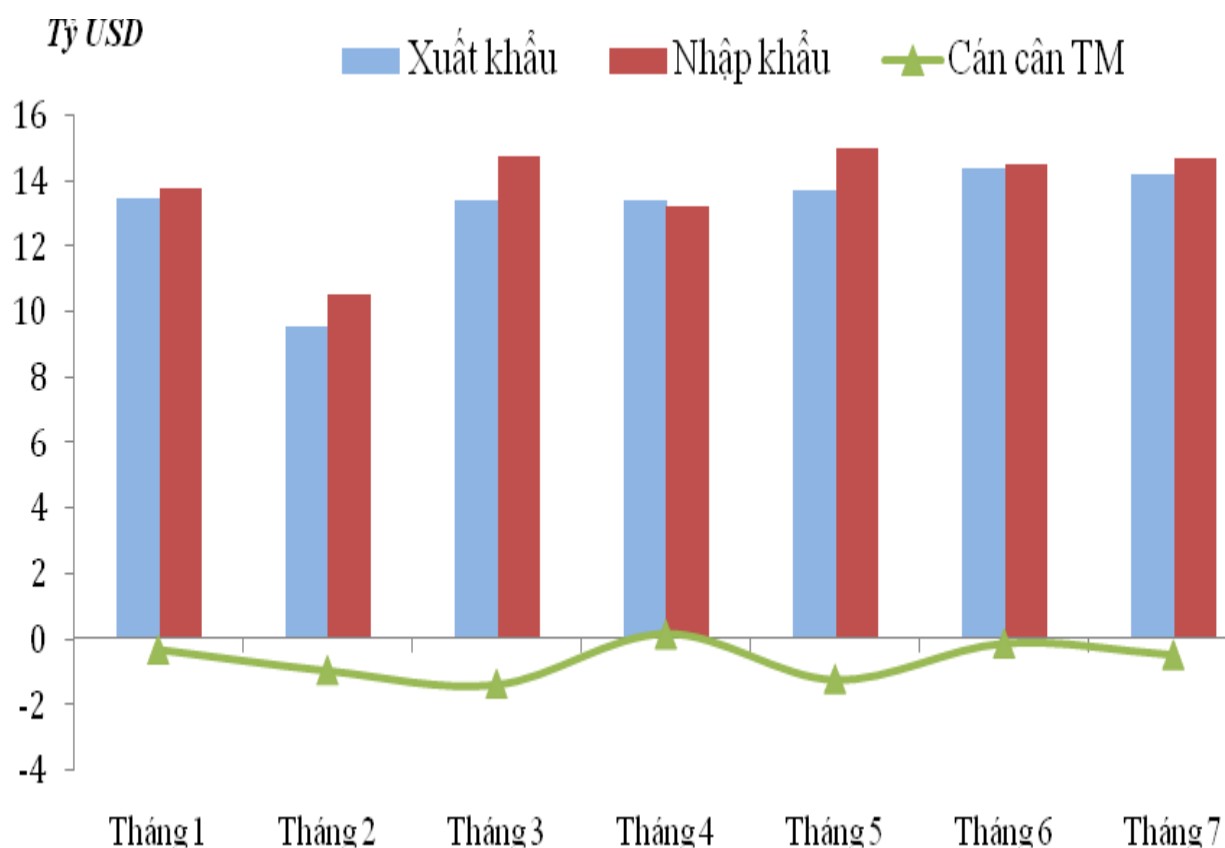
Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 7 và 7 tháng năm 2015

1. Đánh giá chung

Theo số liệu thống kê mới nhất của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước trong tháng 7 năm 2015 đạt 28,85 tỷ USD, tăng nhẹ 0,2% so với tháng trước. Trong đó xuất khẩu là 14,18 tỷ USD giảm 1% so với tháng trước và nhập khẩu là 14,67 tỷ USD, tăng 1,4% và kết quả là trong tháng 7, cán cân thương mại hàng hóa thâm hụt 487 triệu USD.

Như vậy, trong 7 tháng/2015, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt hơn 187,06 tỷ USD, tăng 12,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, xuất khẩu đạt 91,77 tỷ USD, tăng 8,9% và nhập khẩu đạt 95,29 tỷ USD, tăng 16% dẫn đến thâm hụt cán cân thương mại hàng hóa trong 7 tháng đầu năm 2015 ở mức 3,52 tỷ USD.

Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu và cán cân thương mại từ tháng 1 đến tháng 7/2015



2. Một số mặt hàng xuất khẩu chính

Điện thoại các loại & linh kiện: tháng 7/2015, cả nước xuất khẩu 2,54 tỷ USD điện thoại các loại & linh kiện, giảm 3,2% so với tháng trước. Qua đó nâng tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này trong 7 tháng/2015 lên 17,15 tỷ USD, tăng 28,6%, tương đương tăng 3,81 tỷ USD về số tuyệt đối so với cùng kỳ năm 2014.

Những đối tác chính nhập khẩu nhóm hàng này trong 7 tháng đầu năm 2015 là: EU với 5,75 tỷ USD, tăng 19,3%; Tiểu Vương quốc Ảrập Thống Nhất: 2,68 tỷ USD, tăng 19,3%; Hoa Kỳ: 1,53 tỷ USD, tăng 90%...

Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện: kim ngạch xuất khẩu trong tháng 7/2015 là 1,22 tỷ USD, giảm 8,8% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 7/2015, trị giá xuất khẩu nhóm hàng này đạt 8,58 tỷ USD, tăng 55,4%, tương đương tăng 3,06 tỷ USD về số tuyệt đối.

Trong đó, xuất khẩu sang EU đạt 1,68 tỷ USD, tăng 63,4%, sang Hoa Kỳ: 1,51 tỷ USD, tăng 63,7%; Trung Quốc: 1,45 tỷ USD, tăng 31,3%; Hồng Kông: 991 triệu USD, tăng 149%... so với cùng kỳ năm trước.

Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng: trong tháng 7/2015, xuất khẩu đạt hơn 700 triệu USD, tăng 5% so với tháng trước, đưa tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 7 tháng/2015 lên 4,49 tỷ USD, tăng 10,4% so với cùng kỳ năm 2014.

Tính đến hết tháng 7/2015, xuất khẩu nhóm hàng này sang Hoa Kỳ là gần 862 triệu USD, tăng 22,9%; sang Nhật Bản: 819 triệu USD, tăng nhẹ 2,1%; sang Trung Quốc: 380 triệu USD, tăng 15,1% so với cùng kỳ năm trước.

Hàng dệt may: trị giá xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam trong tháng đạt 2,39 tỷ USD, tăng 12,7% so với tháng trước. Trong 7 tháng/2015, tổng trị giá xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam đạt 12,61 tỷ USD, tăng 10,4% so với cùng kỳ năm 2014.

Hoa Kỳ, EU và Nhật Bản tiếp tục là 3 đối tác lớn nhất nhập khẩu hàng dệt may của Việt Nam với kim ngạch và tốc độ tăng so với cùng kỳ năm 2014 tương ứng là: 6,3 tỷ USD và 14%; 1,95 tỷ USD và 4,2%; 1,48 tỷ USD và 5,6%.

Giày dép các loại: tháng 7/2015, xuất khẩu nhóm hàng giày dép đạt 1,13 tỷ USD, giảm 3,8% so với tháng trước. Tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 7 tháng/2015 đạt 6,97 tỷ USD, tăng 20,9% so với cùng kỳ năm 2014.

Kim ngạch xuất khẩu sang hai thị trường Hoa Kỳ và EU đều đạt gần 2,4 tỷ USD với tốc độ tăng lần lượt là 30,2% và 16% trong 7 tháng. Tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 7 tháng/2015 đạt 5,85 tỷ USD, tăng 21,2% so với cùng kỳ năm 2014. Kim ngạch xuất khẩu sang hai thị trường Hoa Kỳ và EU đều là 2 tỷ USD với tốc độ tăng lần lượt là 30,2% và 17%.

Xơ, sợi dệt các loại: xuất khẩu mặt hàng này của cả nước trong tháng đạt 85 nghìn tấn với trị giá gần 228 triệu USD, tăng 2,7% về lượng và tăng 1,8% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết

tháng 7/2015, lượng xuất khẩu nhóm hàng này đạt gần 556 nghìn tấn, tăng 18% và trị giá đạt 1,49 tỷ USD, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước

Trong 7 tháng đầu năm 2015, nhóm hàng xơ sợi dệt các loại xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 284 nghìn tấn tăng 42,1%; sang Thổ Nhĩ Kỳ đạt hơn 58 nghìn tấn, giảm 5,8%; sang Hàn Quốc đạt hơn 42 nghìn tấn, tăng 10,8%... so với cùng kỳ năm 2014.

Túi xách, ví, va li, mũ và ô dù: trong tháng xuất khẩu mặt hàng này đạt hơn 243 triệu USD, giảm 6,9% so với tháng trước, nâng tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 7 tháng/2015 lên 1,7 tỷ USD, tăng 14,7% so với cùng kỳ năm trước.

Hoa Kỳ là đối tác chính nhập khẩu túi xách, ví, vali mũ và ô dù của Việt Nam trong 7 tháng/2015 với 709 triệu USD, tăng 14,3% so với 7 tháng/2014, tiếp theo là EU với trị giá xuất khẩu với 441 triệu USD, tăng 13,9%; Nhật Bản là 183 triệu USD, tăng 10,8% .

Gỗ & sản phẩm gỗ: xuất khẩu trong tháng đạt gần 591 triệu USD, tăng 3,8% so với tháng trước, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu trong 7 tháng/2015 lên hơn 3,75 tỷ USD, tăng 9,8% so với cùng kỳ năm 2014.

Tính đến hết tháng 7/2015, nhóm hàng gỗ & sản phẩm gỗ xuất sang Hoa Kỳ đạt 1,45 tỷ USD, tăng 19,2%; sang Nhật Bản: 564 triệu USD tăng 3,1%; sang Trung Quốc: 498 triệu USD giảm nhẹ 0,3%; ... so với cùng kỳ năm 2014.

Dầu thô: Lượng xuất khẩu nhóm hàng này trong tháng là hơn 800 nghìn tấn, giảm 4,8%; đơn giá bình quân (giá tạm tính) xuất khẩu là 424 USD/tấn (tương ứng 55 USD/thùng), giảm 11,7% nên kim ngạch chỉ đạt 340 triệu USD, giảm 15,9% so với tháng trước.

Tính đến hết tháng 7/2015, lượng xuất khẩu dầu thô đạt 5,44 triệu tấn, tăng 1,5%. Do đơn giá bình quân giảm tới 47,8% nên trị giá xuất khẩu chỉ đạt 2,46 tỷ USD, giảm 47,1% (tương ứng giảm 2,18 tỷ USD) so với cùng kỳ năm trước.

Cà phê: xuất khẩu cà phê trong tháng 7/2015 đạt 107 nghìn tấn, tăng 2,8% so với tháng trước, nâng tổng lượng xuất khẩu của mặt hàng này trong 7 tháng/2015 đạt hơn 786 nghìn tấn, trị giá đạt 1,62 tỷ USD, giảm 34,3% về lượng và giảm 34,2% về trị giá so với 7 tháng/2014.

Gạo: lượng gạo xuất khẩu tháng 7/2015 đạt 608 nghìn tấn, tăng 2,3% so với tháng trước, nâng tổng lượng xuất khẩu trong 7 tháng/2015 lên 3,59 triệu tấn giảm 6,4% so với cùng kỳ năm trước. Đơn giá xuất khẩu bình quân trong 7 tháng/2015 của mặt hàng này cũng giảm 5,3% nên trị giá xuất khẩu là 1,54 tỷ USD, giảm 11,4% so với 7 tháng/2014.

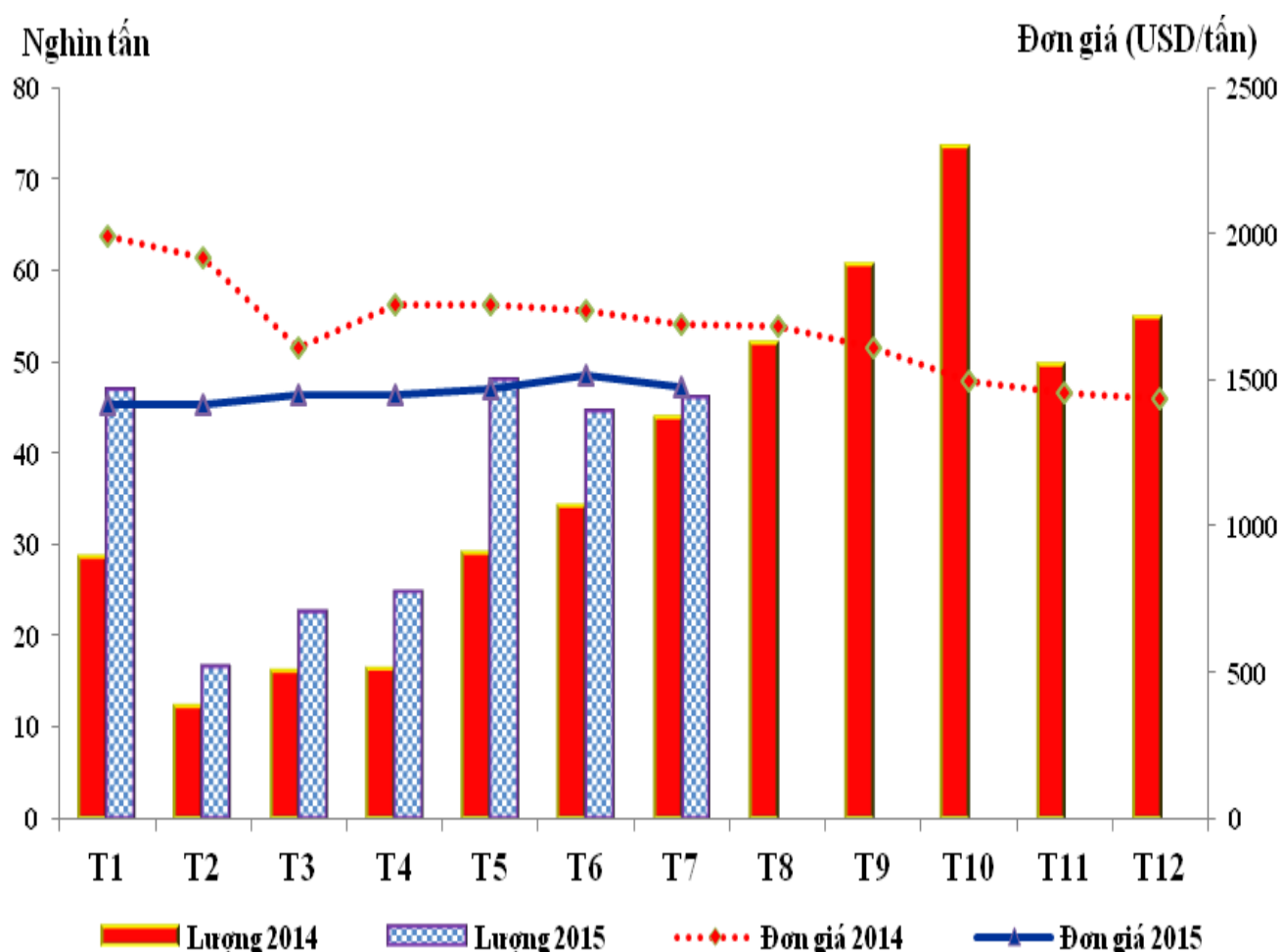
Xuất khẩu gạo trong 7 tháng/2015 sang 2 thị trường lớn là Trung Quốc đạt 1,33 triệu tấn, giảm 7,2% và sang Philippin đạt 588 nghìn tấn, giảm 34,3%. Tuy nhiên, lượng gạo xuất khẩu sang thị trường châu Phi trong 7 tháng/2015 tăng tới 37% so với cùng kỳ năm trước và đạt gần 540 nghìn tấn.

Hàng thủy sản: Trong tháng 7/2015, xuất khẩu hàng thủy sản của cả nước đạt 596 triệu USD, tăng 5,1% so với tháng trước. Tổng trị giá xuất khẩu hàng thủy sản trong 7 tháng/2015 đạt 3,58 tỷ USD, giảm 16,1% (tương ứng giảm 684 triệu USD) so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu sang một số thị trường chính như Hoa Kỳ, EU và Nhật Bản đều giảm mạnh, cụ thể xuất sang Hoa Kỳ đạt 687 triệu USD, giảm 29,4%; sang EU đạt 653 triệu USD, giảm 15,6%; sang Nhật Bản đạt 553 triệu USD, giảm 10,6%.

Cao su: lượng xuất khẩu cao su trong tháng 7/2015 đạt 106 nghìn tấn, tăng 15,4% và trị giá đạt 157 triệu USD, tăng 12,9% so với tháng trước. Trong 7 tháng đầu năm 2015, lượng cao su xuất khẩu của cả nước tăng 14,2% nhưng giá xuất khẩu bình quân giảm tới 20,2% nên trị giá xuất khẩu mặt hàng này chỉ đạt 763 triệu USD, giảm 8,9% so với cùng kỳ năm trước.

Trung Quốc vẫn là đối tác chính nhập khẩu cao su của Việt Nam trong 7 tháng qua với 248 nghìn tấn, tăng 37,8% và chiếm 48% tổng lượng cao su xuất khẩu của cả nước.

Biểu đồ 2: Lượng và đơn giá bình quân xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Trung Quốc theo tháng năm 2014 và 7 tháng/2015



3. Một số mặt hàng nhập khẩu chính

Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng: Trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 2,49 tỷ USD, giảm 2,5% so với tháng trước, nâng trị giá nhập khẩu trong 7 tháng/2015 lên gần 16,4 tỷ USD, tăng mạnh 33,8% so với 7 tháng/2014. Khối doanh nghiệp FDI nhập khẩu 10,5 tỷ USD, tăng 44,4% trong khi khối doanh nghiệp trong nước nhập khẩu 5,88 tỷ USD, tăng 18,3% so với cùng kỳ năm 2014.

Trung Quốc tiếp tục là thị trường lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam trong 7 tháng qua với trị giá là 5,29 tỷ USD, tăng 25,6%; tiếp theo là các thị trường: Hàn Quốc: 3,12 tỷ USD, tăng mạnh 81%; Nhật Bản: 2,89 tỷ USD, tăng 45,2%; Đài Loan: 886 triệu USD, tăng 17,6%...

Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện: Trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 1,96 tỷ USD, tăng 9% so với tháng trước. Tính trong 7 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 13,14 tỷ USD, tăng 35%; trong đó nhập khẩu của khu vực FDI là 12,1 tỷ USD, tăng 36,5% và nhập khẩu của khu vực doanh nghiệp trong nước là hơn 1 tỷ USD, tăng 19,7% so với cùng kỳ năm trước.

Hàn Quốc tiếp tục là đối tác lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam với trị giá nhập khẩu là 3,89 tỷ USD, tăng 38,9%; tiếp theo là các thị trường: Trung Quốc: 2,82 tỷ USD, tăng 17,2%; Nhật Bản: 1,29 tỷ USD, tăng 51,1%; Singapo: 1,21 tỷ USD, giảm 6,6%; Đài Loan: 1,16 tỷ USD, tăng mạnh 72,1%... so với cùng kỳ năm 2014.

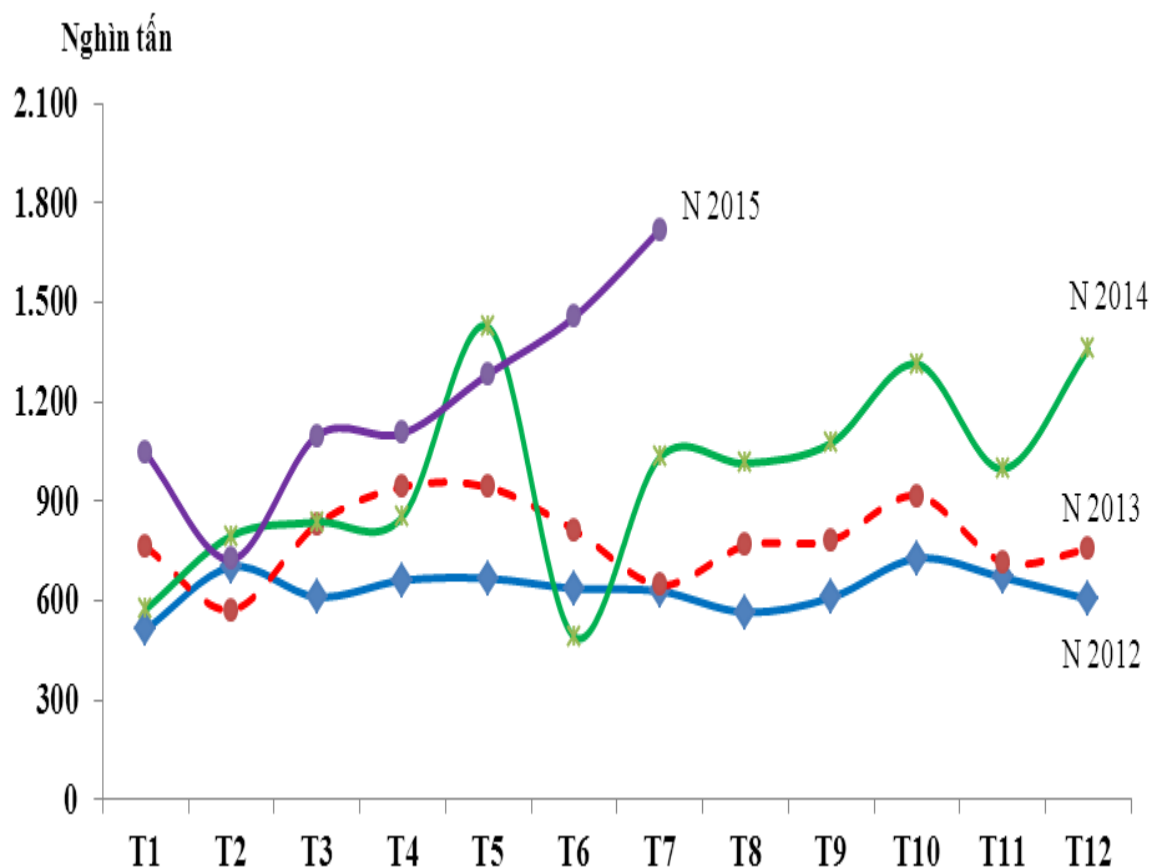
Điện thoại các loại và linh kiện: kim ngạch nhập khẩu trong tháng đạt gần 861 triệu USD, đưa kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này trong 7 tháng/2015 lên 5,22 tỷ USD, tăng 32,1% so với cùng kỳ năm 2014.

Việt Nam nhập khẩu nhóm hàng này trong 7 tháng đầu năm chủ yếu từ các thị trường: Trung Quốc đạt 3,35 tỷ USD, tăng 18,2% và chiếm 64,18% kim ngạch nhập khẩu của cả nước; Hàn Quốc đạt gần 1,48 tỷ USD, tăng 57,6%...so với cùng kỳ năm 2014.

Sắt thép các loại: Nhập khẩu sắt thép trong tháng 7 là 1,72 triệu tấn, trị giá là 793 triệu USD, tăng 4,8% về lượng và giảm 7,2% về trị giá so với tháng trước.

Tính đến hết tháng 7/2015, lượng sắt thép cả nước nhập về là 8,43 triệu tấn, tăng 40,3% về lượng. Đơn giá nhập khẩu sắt thép các loại bình quân trong 7 tháng đầu năm 2015 giảm 21,3% nên trị giá nhập khẩu là 4,47 tỷ USD, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm 2014.

Biểu đồ 3: Lượng nhập khẩu sắt thép các loại theo tháng từ tháng 1/2012 đến tháng 7/2015



Sản phẩm từ sắt thép: trong tháng 7/2015, cả nước nhập khẩu hơn 347 triệu USD, tăng 5,7% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 7/2015, tổng trị giá nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước là 2,41 tỷ USD, tăng 45,5% so với cùng kỳ năm 2014.

Trong 7 tháng/2015, Việt Nam nhập khẩu mặt hàng này từ Trung Quốc với trị giá hơn 846 triệu USD, tăng 65,4%; từ Hàn Quốc là 701 triệu USD tăng 92,6 so với cùng kỳ năm trước,...

Xăng dầu các loại: lượng nhập khẩu xăng dầu các loại tăng 17% so với tháng trước đạt 905 nghìn tấn nhưng trị giá nhập khẩu là 491 triệu USD, chỉ tăng 6,9% so với tháng trước. Tính đến hết 7 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 5,93 triệu tấn với trị giá là 3,42 tỷ USD, tăng 8,4% về lượng và giảm 34% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Xăng dầu các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong 7 tháng qua chủ yếu có xuất xứ từ: Singapo với 2,64 triệu tấn, tăng 37,2%; Thái Lan: 978 nghìn tấn, tăng mạnh 276%; Trung Quốc: 914 nghìn tấn, giảm 5,3%; Đài Loan: 656 nghìn tấn, giảm 23%... so với 7 tháng/2014.

Chất dẻo nguyên liệu: lượng nhập khẩu trong tháng 7/2015 là 328 nghìn tấn, trị giá đạt gần 532 triệu USD. Tính đến hết tháng 7/2015, tổng lượng nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu của Việt Nam

là 2,13 triệu tấn, tăng 9,6%, kim ngạch nhập khẩu là 3,35 tỷ USD, giảm 6% so với cùng kỳ năm trước.

Trong nửa đầu năm 2015, Việt Nam nhập khẩu mặt hàng này chủ yếu từ các thị trường: Hàn Quốc đạt 359 nghìn tấn, tăng 18,4%; Ả rập Xê út đạt 372 nghìn tấn, giảm nhẹ 0,8%; Đài Loan đạt 270 nghìn tấn tăng 13,6%; Thái Lan đạt 168 nghìn tấn, tăng 6,2%... so với cùng kỳ năm 2014.

Sản phẩm chất dẻo: trong tháng 7/2015 sản phẩm từ chất dẻo nhập khẩu ở mức 349 triệu USD. Nhập khẩu mặt hàng này trong 7 tháng đầu năm đạt 2,11 tỷ USD tăng 10,6% so với cùng kỳ năm trước.

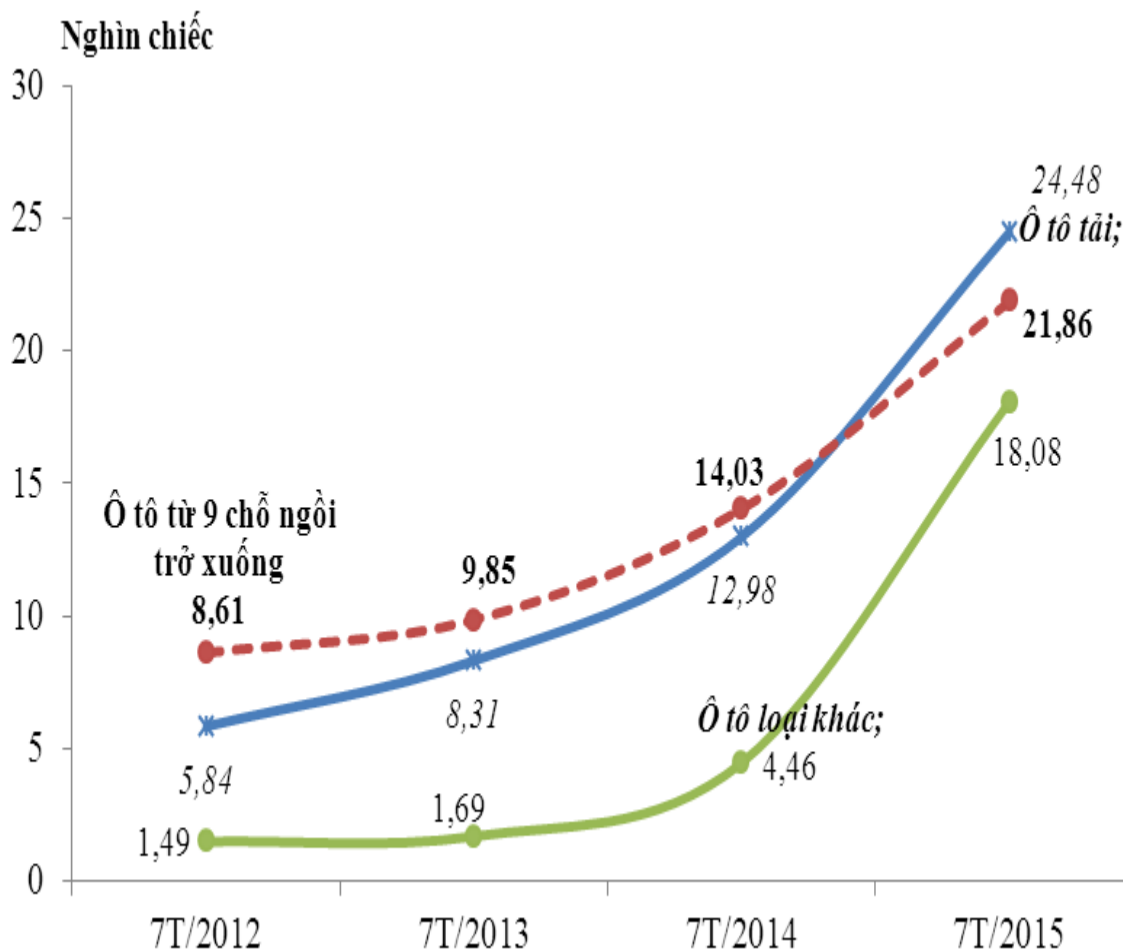
Việt Nam nhập khẩu mặt hàng sản phẩm chất dẻo từ Hàn Quốc trong 7 tháng năm 2015 là 620 triệu USD, tăng 44,4% so với cùng kỳ năm 2014; Trung Quốc là 615 triệu USD, tăng 34,6%; Nhật Bản là 354 triệu USD tăng 3,2%,...

Nguyên phụ liệu ngành dệt may da giày: Trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 1,65 tỷ USD, giảm 14,7% so với tháng trước. Tính đến hết 7 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 9,1 tỷ USD nhóm hàng này, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó, trị giá vải nhập khẩu là 4,98 tỷ USD, tăng 8,9%; nguyên phụ liệu: 2,5 tỷ USD, tăng 10,3%; bông là 856 triệu USD, tăng 8,1% và xơ sợi: 758 triệu USD, tăng nhẹ 0,3%.

Trong 7 tháng/2015, Việt Nam nhập khẩu nhóm mặt hàng này chủ yếu từ Trung Quốc với 3,7 tỷ USD, tăng 13,5%; tiếp theo là Hàn Quốc: 1,37 tỷ USD, giảm 2,5%; Đài Loan: 1,19 tỷ USD, tăng 6,6%... so với cùng kỳ năm trước.

Ô tô nguyên chiếc: Lượng nhập khẩu trong tháng 7/2015 là 9,5 nghìn chiếc, giảm 1,8%. Đơn giá nhập khẩu bình quân ô tô nguyên chiếc các loại giảm mạnh 30,9% nên trị giá nhập khẩu là 208 triệu USD, giảm 32,1%.

Biểu đồ 4: Lượng nhập khẩu ô tô nguyên chiếc các loại trong 7 tháng, giai đoạn năm 2012 - 2015



Tính từ đầu năm đến hết tháng 7/2015, lượng xe ô tô nguyên chiếc cả nước nhập về là 64,42 nghìn chiếc, tăng mạnh 104,7%, trị giá là 1,71 tỷ USD, tăng mạnh 152,3% so với cùng kỳ năm 2014.

Bảng 1: Lượng nhập khẩu ô tô nguyên chiếc các loại của Việt Nam từ một số thị trường chính trong 7 tháng, giai đoạn 2012-2015

Đơn vị tính: Nghìn chiếc

Năm	Trung Quốc	Hàn Quốc	Thái Lan	Các thị trường khác
7T/2012	2,40	6,66	2,90	3,98
7T/2013	2,43	9,27	4,01	4,15
7T/2014	5,92	9,22	6,09	10,24

7T/2015	18,01	14,22	12,12	20,07
---------	-------	-------	-------	-------

Trung Quốc là thị trường chính cung cấp ô tô nguyên chiếc cho Việt Nam trong 7 tháng/2015 với hơn 18 nghìn chiếc, tăng mạnh 204%; tiếp theo là Hàn Quốc: 14,2 nghìn chiếc, tăng 54,3%; Thái Lan: 12,1 nghìn chiếc, tăng 99,2%; Ấn Độ: 8,5 nghìn chiếc, tăng 77,5% ... so với cùng kỳ năm 2014.

Phân bón các loại: lượng nhập khẩu phân bón trong 4 tháng trở lại đây luôn ở mức cao (bình quân là 415 nghìn tấn/tháng), cao hơn mức bình quân của năm 2014 (316 nghìn tấn/tháng). Tính trong tháng 7/2015, lượng phân bón nhập khẩu là 466 nghìn tấn, trị giá là 140 triệu USD, tăng 7,7% về lượng và giảm 3,7% về trị giá so với tháng trước.

Tính hết 7 tháng/2015, tổng lượng phân bón các loại nhập khẩu vào Việt Nam lên đến 2,53 triệu tấn, trị giá là 795 triệu USD, tăng 16,8% về lượng và tăng 16,2% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Trung Quốc tiếp tục là thị trường lớn nhất cung cấp phân bón cho Việt Nam trong 7 tháng/2015 với 1,26 triệu tấn, tăng 14,7%; tiếp theo là Nga: 267 nghìn tấn, tăng 14,9%; Belarus: 182 nghìn tấn, tăng 27,6%... so với cùng kỳ năm 2014.

TỔNG QUAN SỐ LIỆU THỐNG KÊ HẢI QUAN VỀ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ THÁNG 7 VÀ 7 tháng NĂM 2015

Stt		Chỉ tiêu	Số sơ bộ
(A)		(B)	(C)
I		Xuất khẩu hàng hoá (XK)	
1	I.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá tháng 7/2015 (Triệu USD)	14.181
2	I.2	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu của tháng 7/2015 so với tháng 6/2015 (%)	-1,0
3	I.3	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu của tháng 7/2015 so với tháng 7/2014 (%)	8,4
4	I.4	Tổng kim ngạch xuất khẩu 7 tháng/2015 (Triệu USD)	91.766
5	I.5	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu 7 tháng/2015 so với cùng kỳ năm 2014 (%)	8,9
II		Nhập khẩu hàng hoá (NK)	
6	II.1	Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá tháng 7/2015 (Triệu USD)	14.668
7	II.2	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu của tháng 7/2014 so với tháng 6/2014 (%)	1,4

8	II.3	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu của tháng 7/2015 so với tháng 7/2014 (%)	13,8	&n
9	II.4	Tổng kim ngạch nhập khẩu 7 tháng/2015 (Triệu USD)	95.289	
10	II.5	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu 7 tháng/2015 so với cùng kỳ năm 2014 (%)	16,0	
III		Tổng kim ngạch XNK hàng hoá (XK+NK)		
11	III.1	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá tháng 7/2015 (Triệu USD)	28.848	
12	III.2	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu của tháng 7/2015 so với tháng 6/2015 (%)	0,2	
13	III.3	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu của tháng 7/2015 so với tháng 7/2014 (%)	11,06	
14	III.4	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 7 tháng/2015 (Triệu USD)	187.055	
15	III.5	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu 7 tháng/2015 so với cùng kỳ năm 2014 (%)	12,4	&n
IV		Cán cân Thương mại hàng hoá (XK-NK)		
16	IV.1	Cán cân thương mại tháng 6/2015 (Triệu USD)	-487	
17	IV.2	Cán cân thương mại 7 tháng/2015 (Triệu USD)	-3.524	